CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư QP Xanh

Ngày 30/09/2025	13,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.1%	**30.5%**	**73.4%**

DT thuần
Q3/25
2.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.5| -89.6%
YoY: ▼23.4| -91.2%

LN thuần
Q3/25
-1.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.50| -469%
YoY: ▼1.71| -323%

LN sau thuế
Q3/25
-1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.97| -241%
YoY: ▼1.58| -368%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-49.0%
YoY: +/-▼ 54.0%

ROE (TTM)
Q3/25
-0.1%
YoY: +/-▼ 2.1%

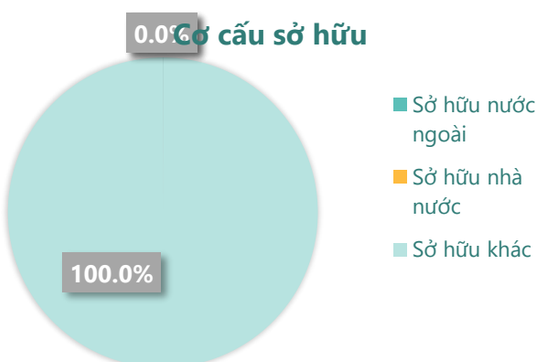
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 13,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	457
Số lượng CPLH (CP)	33,335,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	755
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	-5
P/E	-2785.1

DT thuần
9T 2025
41.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼71.5| -63.3%

LN thuần
9T 2025
-0.75
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.22| -151%

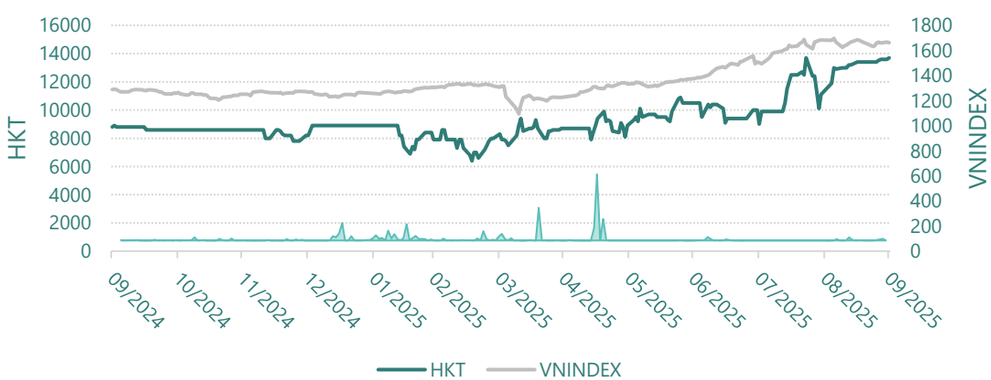
LN sau thuế
9T 2025
-0.07
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.24| -106%

Cơ cấu sở hữu

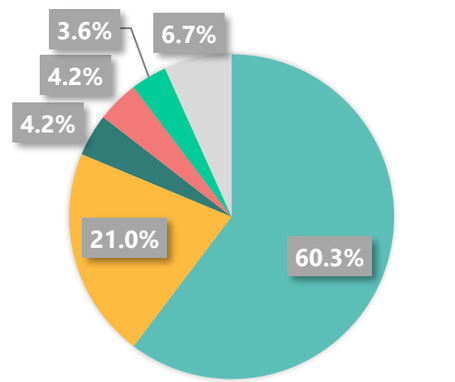


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



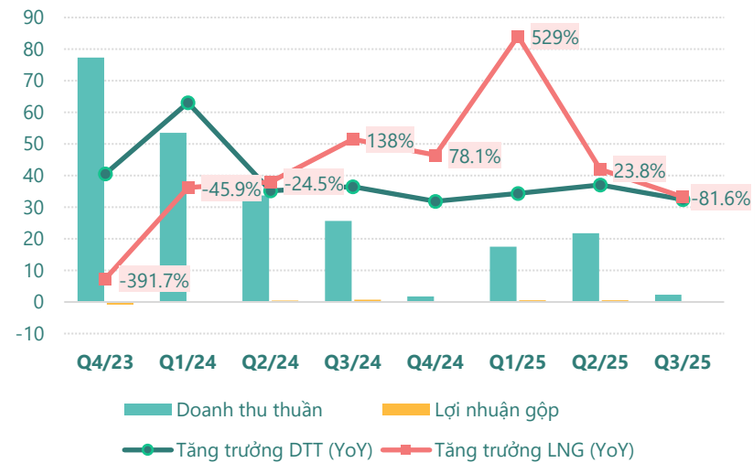
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

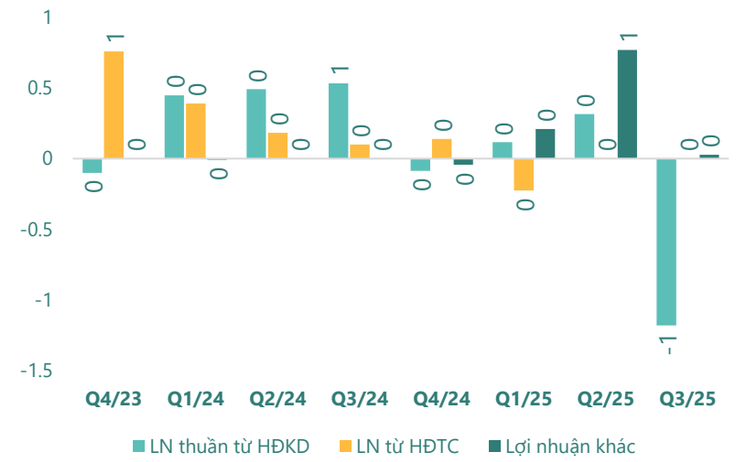
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



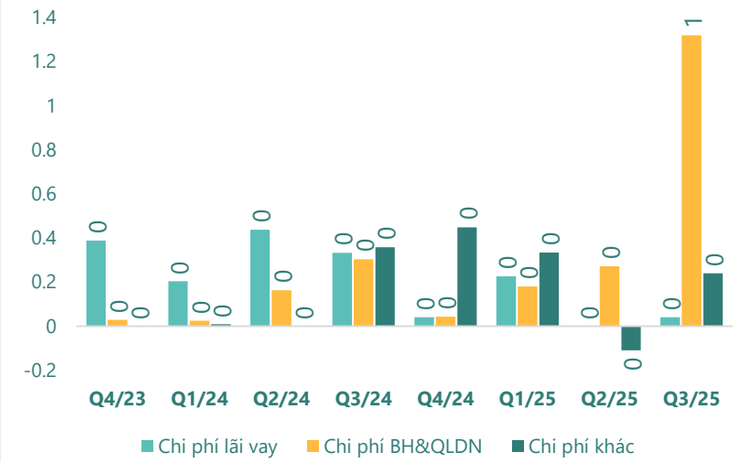
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



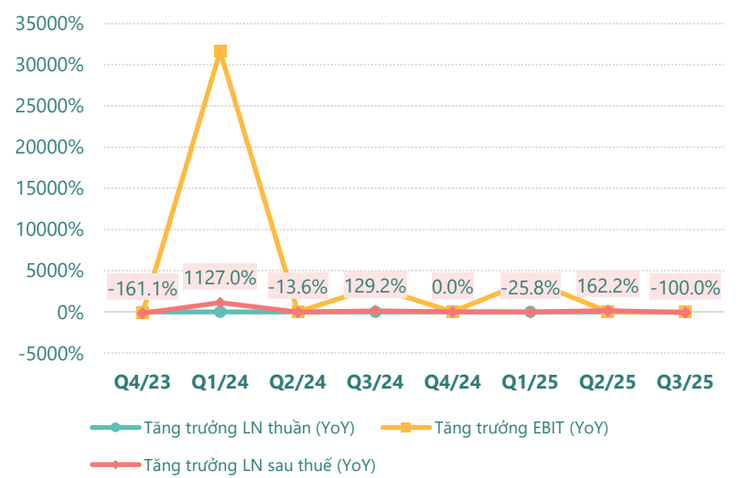
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



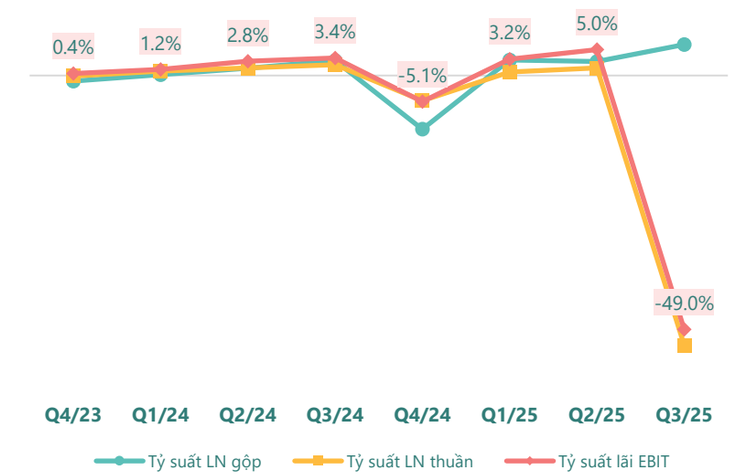
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



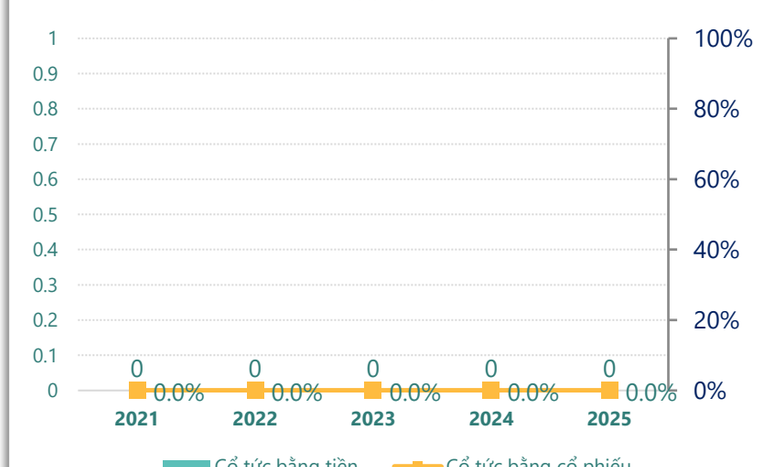
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

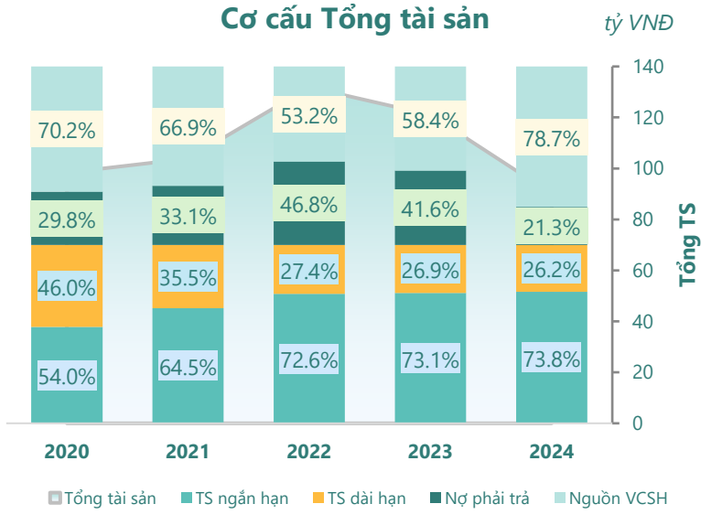
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

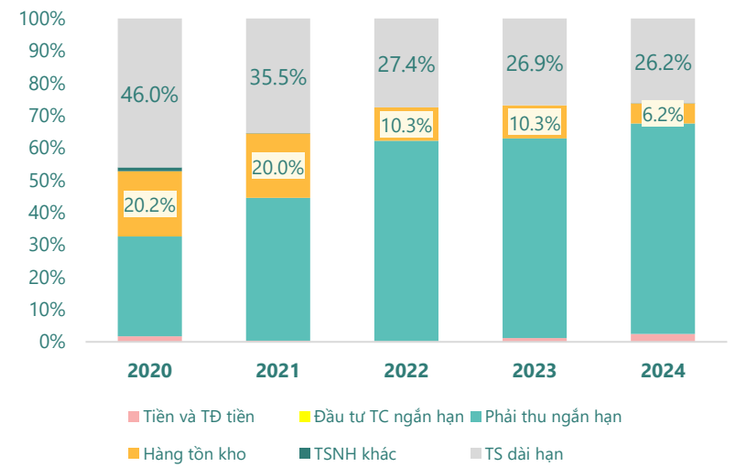
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



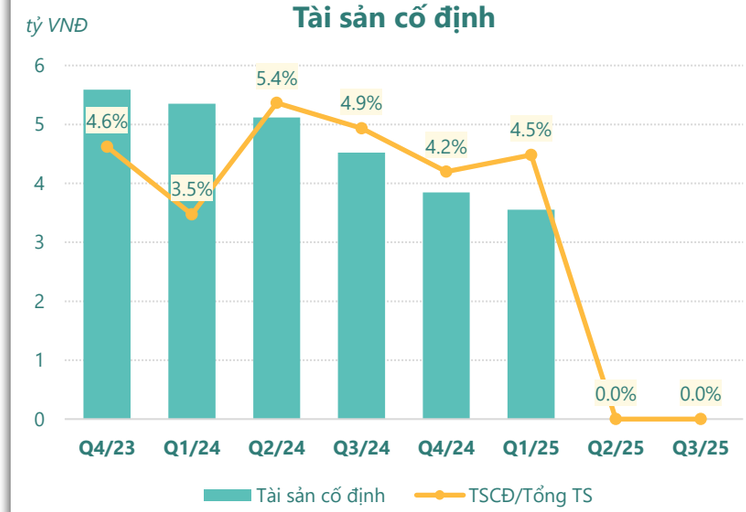
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



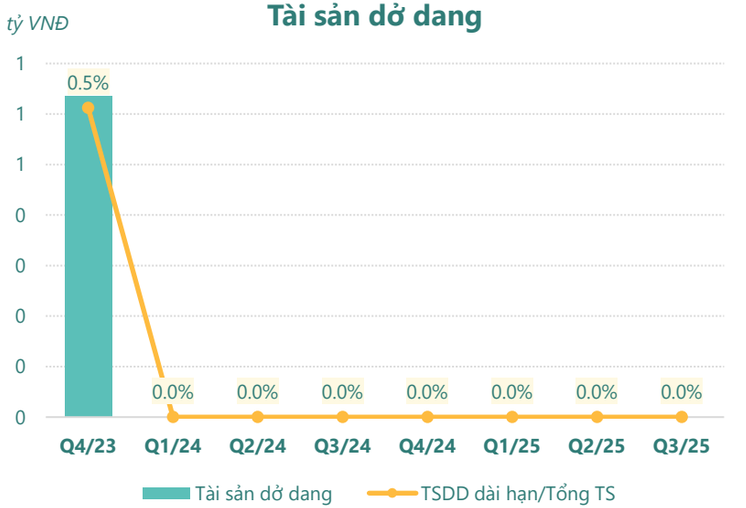
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



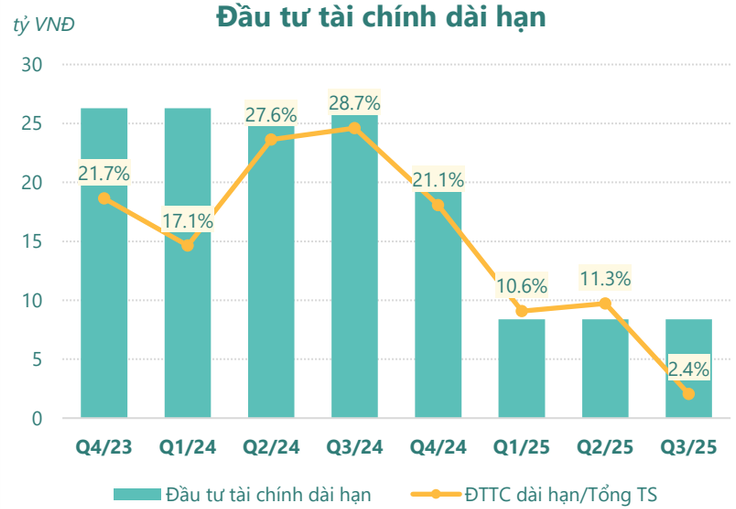
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



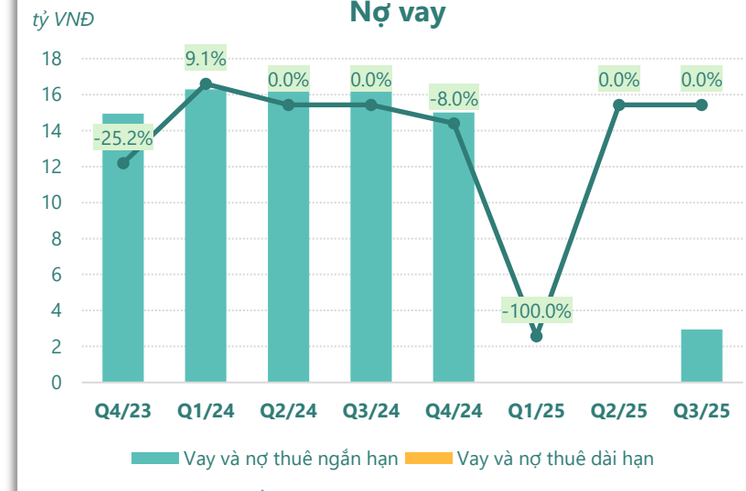
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

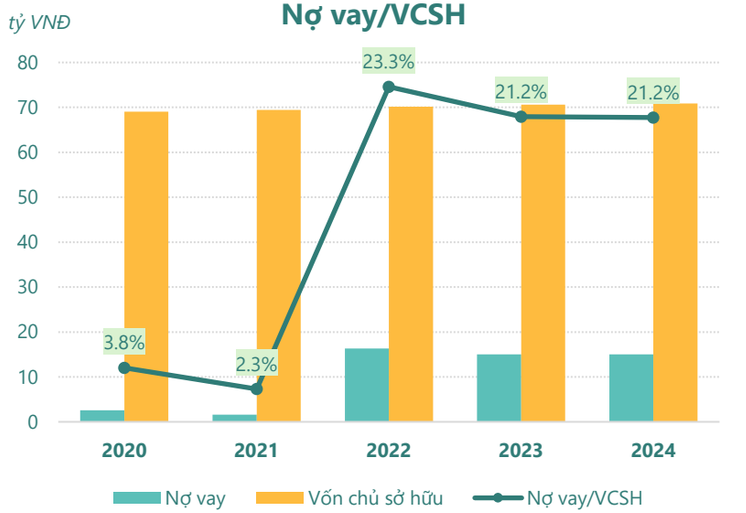
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

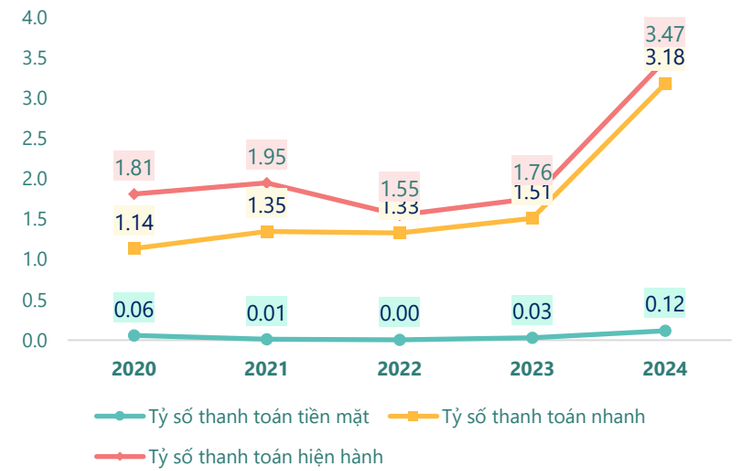
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



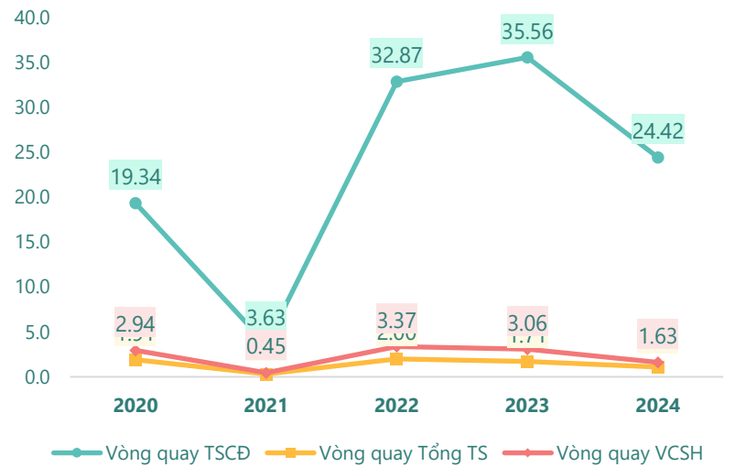
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



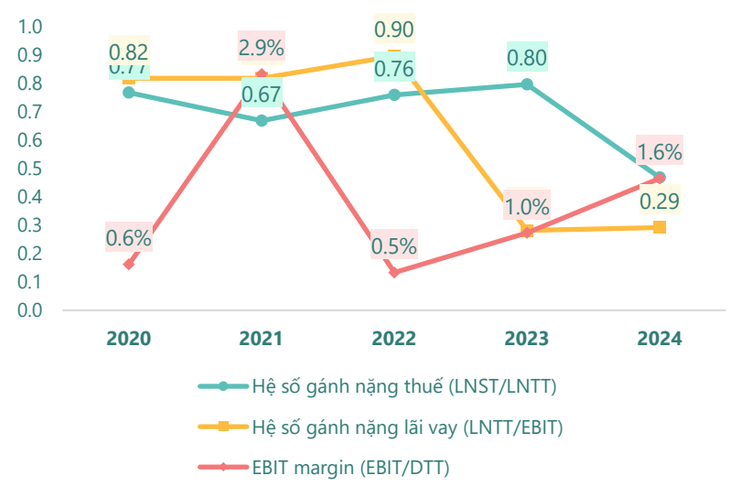
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



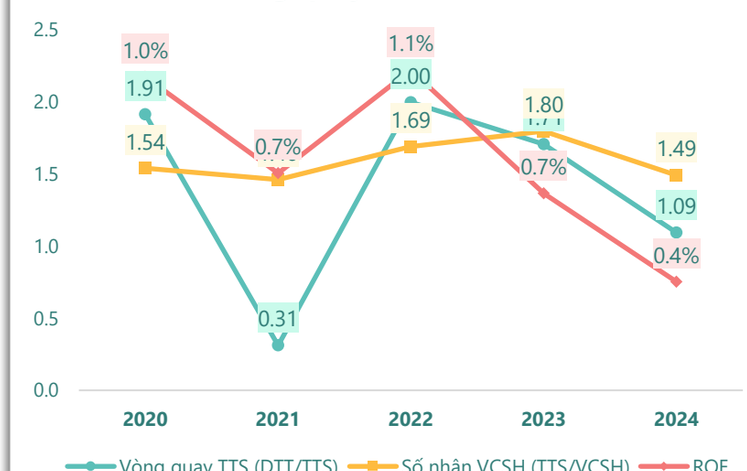
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



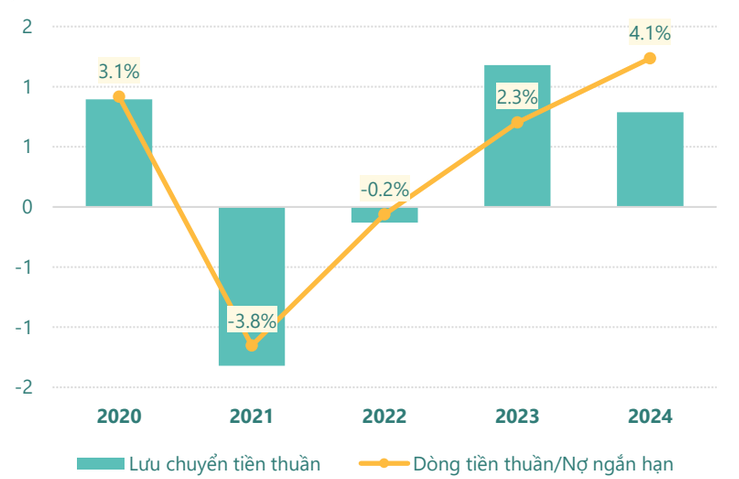
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.27**	**25.7**	**-91.2%**	**41.5**	**113**	**-63.3%**
Giá vốn hàng bán	2.14	24.9	-91.4%	40.2	112	-63.9%
Lợi nhuận gộp	0.14	0.74	-81.7%	1.24	1.29	-3.9%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.43	-89.5%	0.05	1.65	-97.0%
Chi phí TC	0.04	0.33	-86.8%	0.27	0.97	-72.3%
Chi phí lãi vay	0.04	0.33	-87.8%	0.27	0.97	-72.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.00		0.07	0	
Chi phí QLDN	**1.31**	**0.30**	**338%**	**1.70**	**0.49**	**247%**
LN thuần từ HĐKD	-1.18	0.53	-323%	-0.75	1.47	-151%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.00**		**1.01**	**-0.01**	**14817%**
LN trước thuế	-1.15	0.54	-314%	0.26	1.47	-82.4%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.15**	**0.43**	**-368%**	**-0.07**	**1.17**	**-106%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.15**	**0.43**	**-368%**	**-0.07**	**1.17**	**-106%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.58	21.5	-32.3	6.04	-7.15	-2.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.88	0.43	11.6	15.6	0.00	-269
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-23.0	21.7	-15.0	0	275
Tiền đầu kỳ	1.00	2.31	1.19	2.21	8.87	1.72
Lưu chuyển tiền thuần	**1.31**	**-1.11**	**1.02**	**6.65**	**-7.15**	**4.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.31	1.19	2.21	8.87	1.72	5.83

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**353**	**90.0**	**292%**
Tài sản ngắn hạn	344	66.4	419%
Tiền và tương đương tiền	5.83	2.21	163%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.94	0	
Phải thu ngắn hạn	333	58.6	468%
Hàng tồn kho	0	5.60	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.01	409%
Tài sản dài hạn	**8.51**	**23.6**	**-64.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	3.84	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.39	19.3	-56.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.12**	**0.45**	**-74.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.0	19.1	-47.6%
Nợ ngắn hạn	**10.0**	**19.1**	**-47.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.94	15.0	-80.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.68	1.75	-61.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**343**	**70.9**	**384%**
Vốn chủ sở hữu	**343**	**70.9**	**384%**
Vốn điều lệ	333	61.4	443%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)